TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2026/DSST
Ngày: 24/3/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quang Trung
Ông Lê Thanh Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Loan Anh– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang– Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 863/2025/TLST - DS, ngày 04 tháng 12 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2026/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty T (Việt Nam)

Địa chỉ: I P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hải N, sinh năm 2002 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: B L, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. - *Bị đơn:* Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: B Khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/4/2023, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký hợp đồng tín dụng số 4530658 về việc cấp tín dụng cho bà Bùi Thị N1 với khoản vay 37.587.300đồng (trong đó 34.900.000đồng tiền vay và 2.687.300đồng tiền bảo hiểm

khoản vay). Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm; lãi suất vay: 58%/năm; thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày 15/5/2023 đến 15/4/2026. Theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng của bà N1 với công ty T là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử của công ty TNHH H. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, công ty T đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho bà N1 theo thông tin tài khoản bà N1 cung cấp. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N1 đã thanh toán được 20 kỳ với tổng số tiền 46.501.784đồng. Tuy nhiên, từ ngày 25/12/2024, bà N1 không thanh toán đầy đủ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Công ty T đã tiến hành liên hệ bà N1 nhiều lần nhưng bà N1 không hợp tác, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Công ty T khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị N1 thanh toán toàn bộ khoản vay bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí tính đến ngày 05/8/2025 là 33.498.070đồng và phần lãi phát sinh cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của Công ty T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Bùi Thị N1 thanh toán cho Công ty T tổng số tiền tính đến ngày 24 tháng 3 năm 2026 là 44.486.738đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc là 24.129.759 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán 9.111.024đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 10.466.419 đồng, tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 779.536 đồng và lãi phát sinh đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Bà Bùi Thị N1 đã được cấp, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như của Hội đồng xét xử ngày hôm nay là đúng trình tự thủ tục luật định.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa. Bị đơn ký kết hợp đồng tín dụng với nguyên đơn, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện. Xét thấy các khoản tiền gốc và tiền lãi chưa thanh toán nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, đối với số tiền chậm trả trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 779.536 đồng không phải chậm trả trên số tiền lãi trong hạn là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tiền gốc và lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm ký kết các hợp đồng tín dụng thì bà Bùi Thị N1 cư trú tại phường C, thành phố Cần Thơ. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ được quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực. Tòa án tiến hành cấp, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà Bùi Thị N1 vẫn vắng mặt. Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án và xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp, thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và văn bản trình bày ý kiến,

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Căn cứ đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4530658 ngày 14/4/2023 giữa bà Bùi Thị N1 và công ty T số tiền vay 37.587.300 đồng (có 2.687.300 đồng bảo hiểm), lãi suất 58%/năm, bà N1 ký tên chữ ký số ngày 17/4/2023.

Căn cứ chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA ngày 13/8/2025 chứng nhận bà Bùi Thị N1 được quyền sử dụng chứng thư FPT-CA đến ngày 18/4/2023.

Căn cứ sao kê của ngân hàng TMCP K ghi nhận ngày 17/4/2023 chuyển số tiền 34.900.000 đồng vào tài khoản Bui Thi N2 tại Ngân hàng Q (V) với số tài khoản là 037731106 có nội dung: *"Mirae Asset chuyen tien GN Bui Thi Ngân HD4530658"* có cơ sở xác định bà Bùi Thị N1 có vay tiền của công ty T. Nội dung Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4530658 ký ngày 17/4/2023 thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật, phù hợp với cái quy định tại Điều 117, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Bùi Thị N1 thanh toán được 20 kỳ với tổng số tiền 46.501.784đồng. Tuy nhiên, từ ngày 25/12/2024 thì bà N1 không thanh toán đầy đủ theo hợp đồng đã ký. Bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, Công ty T1 đã ra thông báo nợ quá hạn nhưng bà N1 cho đến nay vẫn

chưa thanh toán các khoản vay. Do bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay đối với hợp đồng tín dụng nêu trên nên có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh cho Công ty T là phù hợp với quy định.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, có 03 khoản lãi gồm: tiền lãi quá hạn chưa thanh toán, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán; đồng thời bà N1 phải chịu lãi phát sinh cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay. Tính đến ngày 24/3/2026 Công ty T yêu cầu bà N1 trả tổng số tiền là 44.486.738đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc là 24.129.759 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán 9.111.024đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 10.466.419 đồng, tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 779.536 đồng và lãi phát sinh từ ngày 25/3/2026 đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay.

Xét thấy, bà Bùi Thị N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà Công ty và bà N1 đã thỏa thuận nên bà N1 phải có trách nhiệm trả nợ gốc, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán và tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn như yêu cầu khởi kiện của Công ty T là có căn cứ, phù hợp và đúng quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Riêng yêu cầu tiền lãi chậm trả trên lãi quá hạn chưa thanh toán 779.536đồng là không phù hợp. Bởi lẽ, theo mục 5.2 Điều 5 Tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả của Bản điều khoản và điều kiện cho vay mà công ty T cung cấp cho Tòa thì tiền lãi chậm trả quy định tại hợp đồng tín dụng sẽ được áp dụng cho tất cả các khoản nợ đến hạn phải trả liên quan đến số tiền vay nghĩa là nợ gốc, điều khoản này mâu thuẫn với điều 8.3 trả nợ trễ hạn của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4530658 mà các bên ký kết ngày 17/4/2023 là tiền lãi chậm trả tính trên dư nợ lãi bị chậm trả; đồng thời yêu cầu tính lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán cũng không đúng quy định theo Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Bùi Thị N1 có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh cho Công ty T tính đến ngày 24 tháng 3 năm 2026 là 43.707.202 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn hai trăm lẻ hai đồng) bao gồm: nợ gốc là 24.129.759 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán 9.111.024đồng, tiền lãi trên dư

nợ gốc bị quá hạn 10.466.419 đồng. Bà Bùi Thị N1 còn phải tiếp tục trả lãi đúng quy định pháp luật phát sinh kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2026 theo hợp đồng tín dụng số 4530658 đã ký cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị N1 phải chịu án phí theo quy định.

Công ty T (Việt Nam) phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 180, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91,95,98 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) đối với bà Bùi Thị N1.

[1]. Buộc bà Bùi Thị N1 phải trả cho Công ty T (Việt Nam) tính đến ngày 24 tháng 3 năm 2026 tổng số tiền gốc và tiền lãi là 43.707.202 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn hai trăm lẻ hai đồng) bao gồm: nợ gốc là 24.129.759 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán 9.111.024đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 10.466.419 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Bùi Thị N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tương ứng trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) đối với bà Bùi Thị N1 đối với yêu cầu số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán 779.536 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị N1 phải chịu 2.185.360đồng.

- Công ty T (Việt Nam) phải chịu 300.000 đồng khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.537.871 đồng theo biên lai thu số 0010836 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Công ty T (Việt Nam) được nhận lại 1.237.871đồng.

[4]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND KV.3 -CT;
- THADS KV.3-CT;
- Lưu HS (2b).

Đinh Huỳnh Thái Ngọc